

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1032/2018/LĐ-PT
Ngày: 14/11/2018
V/v tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài
Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Cường
Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 40/2018/TLPT - LĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018, về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 23/2018/LĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4483/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 8811/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông T, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Đường Đ, BK2, BK, Thành phố X, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Công ty ĐK.

Trụ sở: khu phố B, phường Đ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông H, sinh năm 1961. Chức vụ: Tổng giám đốc. (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường B, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người làm chứng:*

3.1. Ông D, sinh năm 1962. (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường KN, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông H1, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường TS, Phường A, quận GV. Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Ông T – nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết tại tòa án, nguyên đơn Ông T trình bày:

Ngày 07/12/2013, ông T ký hợp đồng thử việc với Công ty ĐK (sau đây gọi tắt là Công ty). Thời gian thử việc từ 07/12/2013 đến hết ngày 07/01/2014. Sau khi hết thời gian thử việc Công ty và ông T ký hợp đồng lao động chính thức với thời hạn làm việc 12 tháng, bắt đầu từ ngày 07/01/2014 đến ngày 07/01/2015, công việc là tài xế, mức lương là 3.000.000 đồng và thêm phụ cấp. Tổng cộng là 7.000.000 đồng. Sáng ngày 22/02/2014, ông vẫn làm những công việc ông H – giám đốc công ty giao như đưa con ông H đi học, đưa vợ và mẹ ông H đi làm việc và quay lại đón, đưa đồ qua Quận S theo yêu cầu của ông H. Đến 15 giờ cùng ngày ông H cho ông về quê sớm vì đó là ngày thứ bảy. Trên đường về thì ông nhận được điện thoại của bộ phận nhân sự nói Công ty có quyết định cho ông nghỉ việc nên ông quay lại Công ty. Tuy nhiên, Công ty không đưa cho ông quyết định mà chỉ cho ông xem và hẹn ông thứ hai lên làm việc, bàn giao xe và nhận quyết định. Ngày 24/02/2014, ông lên Công ty lấy quyết định nghỉ việc như lịch hẹn nhưng bộ phận nhân sự không giao quyết định cho ông và nói lại là ông H yêu cầu ông viết đơn xin nghỉ việc. Phó giám đốc Công ty nói nếu ông không viết đơn xin nghỉ việc sẽ không trả lương cho ông. Ông H cũng kêu ông vào gặp và nói cho ông nghỉ việc, cấm ông không được đến Công ty và gọi bảo vệ đuổi ông ra ngoài. Nay ông yêu cầu Công ty ĐK thanh toán cho ông các khoản sau:

+ 02 tháng tiền lương và phụ cấp là 7.000.000 đồng x 2 tháng = 14.000.000 đồng.

+ Tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 23/02/2014 đến ngày hết hạn hợp đồng là 10 tháng 14 ngày, số tiền là 73.769.230 đồng.

+ Tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đến ngày hết hạn hợp đồng là 6.955.348 đồng.

+ Tiền Công ty ĐK nợ lương ông từ ngày 01/02/2014 đến ngày 22/02/2014 (19 ngày) là 5.541.666 đồng; ngày 09/02/2014 và ngày 16/02/2014 là hai ngày chủ nhật ông đi làm là 1.076.923 đồng; 02 (ngày) phép năm ông chưa được nghỉ với số tiền là 538.461 đồng. Tổng cộng 23 ngày lương là 7.157.050 đồng.

+ Trong thời gian Công ty không trả lương cho ông, ông có vay Ngân hàng Sacombank tiền để chi phí cho sinh hoạt, lãi suất tiền vay là 10.5%/năm. Ông yêu cầu Công ty phải trả cho ông tiền lãi Công ty nợ lương ông tương đương số tiền lãi ông phải đóng cho Ngân hàng Sacombank dựa trên số lương

Công ty nợ ông là 7.157.050 đồng. Thời điểm bắt đầu tính từ ngày 24/02/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/7/2018 là 3.296.448 đồng.

Ngoài ra Công ty phải trả cho ông tiền chi phí đi lại khởi kiện là 2.000.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty ĐK phải thanh toán cho ông là 107.178.000 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn: Công ty ĐK vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

* Người làm chứng:

Ông D tại bản tự khai ngày 29/6/2015 ông D trình bày: Ông là bảo vệ kiêm giữ xe cho Công ty ĐK, ông không biết ông T nghỉ việc khi nào và không có việc Ban lãnh đạo Công ty nói ông đuổi ông T ra khỏi Công ty.

Ông H1 tại biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2014 ông H1 trình bày ông không nghe nói việc Công ty đuổi việc ông T và giám đốc Công ty cũng không kêu ông đuổi ông T ra khỏi Công ty như ông T trình bày.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 23/2018/LĐ-ST ngày 12/7/2018 Tòa án nhân dân Quận H đã tuyên xử:

- Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 96, Điều 111 của Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 2, Điều 91, Điều 92 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Ông T đối với Công ty ĐK về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” cụ thể:

1.1 Bác yêu cầu Công ty phải bồi thường 02 tháng lương và phụ cấp là 14.000.000 đồng;

1.2. Bác yêu cầu Công ty phải trả tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 23/02/2014 đến ngày 07/01/2015 là 73.769.230 đồng;

1.3. Bác yêu cầu Công ty phải đóng đầy đủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho Ông T từ ngày 23/02/2014 cho đến ngày 07/01/2015 là 6.955.348 đồng.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của Ông T đối với Công ty ĐK về việc trả tiền lương ngày 09/02/2014, ngày 16/02/2014 và 02 ngày nghỉ phép năm ông T chưa được nghỉ với số tiền là 1.615.384 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp về tiền lương” của Ông T đối với Công ty ĐK. Buộc Công ty ĐK phải trả cho ông T số tiền 2.881.207 (hai triệu tám trăm tám mươi một ngàn hai trăm lẻ bảy) đồng. Trong

đó tiền lương 19 ngày làm việc trong tháng 04/2014 là 2.192.207 (hai triệu một trăm chín mươi hai ngàn hai trăm lẻ bảy) đồng. Tiền lãi do chậm trả lương từ 01/02/2014 đến 12/7/2018 là 688.900 (sáu trăm tám mươi tám ngàn chín trăm) đồng.

Bác phần yêu cầu tiền lãi do chậm trả lương vượt quá mức lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên kỳ hạn 12 tháng là 2.607.548 (hai triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn năm trăm bốn mươi tám) đồng.

4. Bác yêu cầu Công ty phải trả chi phí đi lại khởi kiện 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông T (đối với các khoản tiền phải trả cho ông T) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty ĐK còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí lao động sơ thẩm:

4.1. Ông T phải chịu 300.000 đồng cần trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ông T đã nộp số 0034233 ngày 13/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H. Ông T đã nộp đủ án phí;

4.2. Công ty ĐK phải chịu án phí là 200.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 25/7/2018, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo, với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 23/2018/LĐ-ST ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận H, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo trình bày: Việc Công ty cho ông nghỉ việc là trái pháp luật. Ngày 22/02/2014, Công ty không đưa cho ông quyết định mà chỉ cho ông xem và hẹn ông thứ hai lên làm việc, bàn giao xe và nhận quyết định. Ngày 24/02/2014, ông lên Công ty lấy quyết định nghỉ việc nhưng bộ phận nhân sự không giao quyết định cho ông và yêu cầu ông làm đơn xin nghỉ việc nhưng ông không đồng ý. Ông không thể cung cấp quyết định cho nghỉ việc của Công ty cho Tòa án. Sau khi bị cho nghỉ việc, ông đã khiếu nại việc này nhiều nơi nhưng Công ty không đến để giải quyết. Ông yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Ông xác định tiền lương thực tế ông đã nhận cho 25 ngày làm việc tháng 01/2014 là khoảng 5.900.000 đồng.

Bị đơn, Công ty ĐK, các người làm chứng Ông D, Ông H1 vắng mặt tại phiên tòa dù đã được tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của các đương sự nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật lao động Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng việc Ông T cho rằng Công ty ĐK đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông trái pháp luật là không có căn cứ. Cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn về các khoản bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là đúng quy định. Tuy nhiên cấp sơ thẩm đã căn cứ vào mức lương chính được ghi trong hợp đồng lao động là 3.000.000 đồng để tính tiền lương những ngày làm việc tháng 02/2014 còn thiếu là chưa chính xác. Cần căn cứ vào mức lương chính thực được ghi nhận trong hợp đồng thử việc và tiền lương thực tế ông T đã nhận tháng 01/2014 để xác định tiền lương thực tế hàng tháng là 7.000.000 đồng để tính tiền lương còn thiếu mới đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của người lao động. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu về tiền lương của 19 ngày làm việc tháng 02/2014 còn thiếu theo mức lương thực tế là 7.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán số tiền lương nói trên, tổng cộng khoảng trên 7.300.000 đồng; không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo còn lại của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn Ông T nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Xét các yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, nhận thấy:

Việc Ông T cho rằng Công ty ĐK đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông trái pháp luật là không có căn cứ bởi: Việc ông trình bày là Công ty đã ra quyết định cho ông thôi việc và yêu cầu ông H1 và ông D là nhân viên của công ty đuổi và cấm ông quay lại Công ty, đồng thời Công ty cũng không tiếp tục trả lương cho ông nhưng không cung cấp được chứng cứ là mâu thuẫn với lời khai của Ông D, Ông H1 và Công ty ĐK.

Tại bản tự khai ngày 29/6/2015, Ông D trình bày ông không biết việc ông T nghỉ việc và giám đốc cũng không có yêu cầu ông dẫn ông T ra khỏi Công ty; tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2014, Ông H1 trình bày giám đốc không yêu cầu dẫn ông T ra khỏi Công ty và cũng không nghe Công ty đuổi việc ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T đều khai do bị cấm không cho vào Công ty nên sau ngày 24/02/2014 ông không trở lại Công ty, đồng thời đã chuyển đổi chỗ ở và không thông báo cho công ty biết. Tại buổi làm việc với Thanh tra Sở lao động thương binh và xã hội Đại diện của Công ty ĐK có trình bày không đuổi việc ông T và cũng có gọi điện mời ông T đến Công ty để giải quyết việc khiếu nại, đồng thời cũng đã tính lương tháng 02/2014 cho ông T nhưng ông T không đến nhận.

Cấp sơ thẩm nhận định không có cơ sở xác định Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông T theo quy định tại Điều 41 Bộ luật lao động, không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc buộc Công ty phải bồi thường 02 tháng tiền lương và phụ cấp lương 14.000.000 đồng, tiền lương những ngày không được làm việc, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 22/02/2014 đến ngày hết hạn hợp đồng là có căn cứ; không chấp nhận yêu cầu của ông T đối với Công ty ĐK về việc trả tiền lương 02 ngày nghỉ phép năm ông T chưa được nghỉ, trả tiền lương làm thêm hai ngày chủ nhật ngày 09/02/2014, ngày 16/02/2014 là phù hợp.

Xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định trong tháng 02/2014 ông T làm việc 19 ngày chứ không phải 21 ngày như ông T trình bày. Cấp sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng lao động ký kết ngày 07/01/2014 giữa ông T và Công ty ĐK ghi nhận lương là 3.000.000 đồng, ông T không cung cấp được phiếu lương, bảng lương hay chứng cứ nào khác chứng minh ông T được nhận lương là 7.000.000 đồng/tháng nên xác định mức lương theo hợp đồng là 3.000.000 đồng/tháng là chưa chính xác. Cần xem xét thêm nội dung được ghi nhận tại Hợp đồng thử việc số 03/HĐTV/2013 ngày 07/12/2013 thì mức lương thử việc là 5.950.000 đồng, lương chính thức là 7.000.000 đồng và thực tế trả lương của Công ty cho ông T tháng 01/2014 với 4 ngày công tính theo lương thử việc 5.950.000 đồng và 22 ngày công từ ngày 07/01/2014 đến 31/01/2014 tính theo lương chính thức 7.000.000 đồng với số tiền lương tổng cộng là 6.585.000 đồng để xác định mức tiền lương thực tế ông T thực nhận mỗi tháng là 7.000.000 đồng.

Từ những chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở để xác nhận tháng 02/2014 ông T có làm việc cho Công ty ĐK 19 ngày nên Công ty phải trả số tiền lương tháng 02/2014 cho ông T là 7.000.000 đồng : $24 \times 19 = 5.541.667$ đồng. Ông T yêu cầu Công ty ĐK phải trả cho ông tiền nợ lương từ ngày 01/02/2014 đến ngày 22/02/2014; tuy nhiên cấp sơ thẩm thiếu kiểm tra nên ghi nhận tại mục 3 trong phần quyết định của bản án đã tuyên là : “... Trong đó tiền lương 19 ngày làm việc trong tháng 04/2014 là 2.192.207 đồng ...” là không đúng với yêu cầu của đương sự. Đây là lỗi chính tả, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm và khắc phục.

Đối với yêu cầu tiền lãi do chậm trả lương, ông T yêu cầu Công ty trả theo mức lãi suất 10,5%/năm là không có cơ sở chấp nhận theo mức lãi suất này. Theo thông tin về hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

hiện nay lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố kỳ hạn trên 12 tháng là 6,4% – 7,2%/năm. Căn cứ Điều 96 Bộ Luật lao động, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của Ông T về tiền lãi do chậm trả lương như sau: Công ty chậm trả tiền lương tháng 02/2014 cho ông T là 1.715 ngày (tính từ ngày 05/03/2014 đến ngày xét xử phúc thẩm 14/11/2018) với số tiền lãi là: $5.541.667 \text{ đồng} \times 7,2\%/\text{năm} \times 1.715 \text{ ngày} = 1.874.754 \text{ đồng}$.

Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần án sơ thẩm, buộc Công ty ĐK phải trả cho Ông T số tiền tổng cộng là 7.416.421 đồng.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn đối với các yêu cầu về việc buộc Công ty ĐK phải bồi thường 02 tháng tiền lương và phụ cấp lương 14.000.000 đồng, tiền lương những ngày không được làm việc, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 22/02/2014 đến ngày hết hạn hợp đồng là có căn cứ; không chấp nhận yêu cầu của ông T đối với Công ty ĐK về việc trả tiền lương 02 ngày nghỉ phép năm ông T chưa được nghỉ, trả tiền lương làm thêm hai ngày chủ nhật (ngày 09/02/2014, ngày 16/02/2014).

Không chấp nhận kháng cáo đối với yêu cầu dân sự của nguyên đơn về việc bị đơn phải trả số tiền chi phí đi lại là 2.000.000 đồng do không có căn cứ.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí sơ thẩm:

Ông T được miễn nộp án phí lao động sơ thẩm đối với các yêu cầu về tiền lương, tiền bảo hiểm, phải chịu án phí đối với yêu cầu trả tiền chi phí đi lại không được Tòa án chấp nhận. Căn cứ Pháp lệnh án phí lệ phí, sửa phần án phí dân sự sơ thẩm Ông T phải chịu là 200.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông T đã tạm nộp theo biên lai số AA/2017/0034233 ngày 13/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H, hoàn lại cho Ông T 100.000 đồng.

Sửa phần án phí lao động sơ thẩm Công ty ĐK phải chịu là 370.821 đồng tính trên số tiền 7.416.421 đồng phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

[3.2] Về án phí phúc thẩm:

Án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn Ông T được miễn nộp toàn bộ án phí lao động phúc thẩm theo quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 12 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 273, khoản 1, 3 Điều 289 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 41, Điều 96 và Điều 202 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 11, khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 12 và Điều 29 của 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của nguyên đơn ông T

- Về nội dung: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông T

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

1. Giữ nguyên một phần bản án sơ thẩm: Bác yêu cầu khởi kiện của Ông T đối với Công ty ĐK về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” cụ thể:

1.1. Bác yêu cầu Công ty phải bồi thường 02 tháng lương và phụ cấp là 14.000.000 đồng;

1.2. Bác yêu cầu Công ty phải trả tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 23/02/2014 đến ngày 07/01/2015 là 73.769.230 đồng;

1.3. Bác yêu cầu Công ty phải đóng đầy đủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho Ông T từ ngày 23/02/2014 cho đến ngày 07/01/2015 là 6.955.348 đồng.

1.4. Bác yêu cầu khởi kiện của Ông T đối với Công ty ĐK về việc trả tiền lương ngày 09/02/2014, ngày 16/02/2014 và 02 ngày nghỉ phép năm ông T chưa được nghỉ với số tiền là 1.615.384 đồng.

1.5. Bác yêu cầu Công ty phải trả chi phí đi lại khởi kiện 2.000.000 đồng

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Ông T) về việc yêu cầu Công ty ĐK phải trả tiền lương tháng 02/2014 còn thiếu cho ông T là 5.541.667 đồng và phải trả thêm khoản tiền lãi chậm thanh toán số tiền trên là 1.874.754 đồng cho Ông T;

Tổng cộng: Công ty ĐK phải trả cho Ông T số tiền là 7.416.421 đồng (bảy triệu bốn trăm mười sáu nghìn bốn trăm hai mươi một đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thanh toán số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí sơ thẩm:

Ông T không phải chịu án phí lao động sơ thẩm. Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ông T đã nộp theo biên lai số AA/2017/0034233 ngày 13/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H. Hoàn lại cho ông T số tiền 100.000 đồng;

Công ty ĐK phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 370.821 đồng.

3.2. Về án phí phúc thẩm:

Án phí lao động phúc thẩm: Ông T được miễn nộp án phí lao động phúc thẩm

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà Ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0002084 ngày 26/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận H;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận H;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tài